TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	----------

Bản án số: 589/2019/KDTM-PT
Ngày 24/6/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng gia công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dũng
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Chinh
Bà Hà Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ - Thư ký của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/KDTMPT ngày 26 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp "*Hợp đồng gia công*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2018/KDTM-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1850/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 3471/2019/QĐ-PT ngày 28/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần F
Địa chỉ: 298C/12 N, phường M, Quận B, TP Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Tiến M, trú tại 36/30 L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 17/7/2017) (có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Viễn thông và Tin học P
Địa chỉ: 127 P, phường T, Quận B, TP Hồ Chí Minh
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Dân Hưng A – Chủ tịch Hội đồng thành viên (có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Ông Lê Dân Hưng A, sinh năm 1965 (vắng mặt)
Trú tại: 127 P , phường T, Quận B, TP Hồ Chí Minh
2. Ông Liên Nguyên B, sinh năm 1981
Trú tại: 298C/12 N, phường M, Quận B, TP Hồ Chí Minh
Có ông Lê Tiến M, trú tại 36/30 L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 493 ngày 09/5/2018) (có mặt)
3. Ông Phạm Lê C, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: 226/9 N, Phường H, Quận N, TP Hồ Chí Minh

4. Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ truyền thông D (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 86/33 C, Phường C, quận T, TP Hồ Chí Minh

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần F.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 10/9/2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty Cổ phần F (gọi tắt là Công ty F) có đại diện theo ủy quyền là ông Lê Tiến M trình bày là Công ty F có nhu cầu phát triển Dự án phần mềm nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh nên Công ty F đã chọn hợp tác với Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Viễn thông và Tin học P (gọi tắt là Công ty P) do ông Lê Dân Hưng A vừa là thành viên góp vốn của Công ty F vừa là người đại diện theo pháp luật của Công ty P. Hai Công ty đã tiến hành thương thảo để ký kết hợp đồng. Trong quá trình thương thảo, Công ty F có yêu cầu Công ty P phải thể hiện trong hợp đồng Dự án phần mềm một cách chi tiết nhưng Công ty P không thực hiện được mà Công ty P cho rằng cần kinh phí để thực hiện, phát triển phần mềm mới trình bày được. Do đó, Công ty P có yêu cầu phía Công ty F tạm ứng số tiền là 480.000.000 đồng. Mặc dù Hợp đồng chưa được ký kết nhưng tin tưởng Công ty F đã chuyển tạm ứng cho Công ty P số tiền 480.000.000 đồng, cụ thể:

- Đợt 1: ngày 22/01/2015 chuyển số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng)với nội dung tạm ứng tiền
- Đợt 2: ngày 16/4/2015 chuyển số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng với nội dung thanh toán đợt 2
- Đợt 3: ngày 9/6/2015 chuyển số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng với nội dung chuyển tiền
- Đợt 4: ngày 07/8/2015 số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng với nội dung chuyển tiền đợt 4.

Công ty F xác nhận trong quá trình thực hiện việc phát triển phần mềm, để tạo điều kiện cho Công ty P làm việc, Công ty F đồng ý cho Công ty P cử nhân viên của Công ty P sang Công ty F để làm việc trong khoảng thời gian 09 (chín) tháng, ông Liên Nguyễn B – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty F có nhắc nhở nhân viên Công ty P về điện, phòng cháy chữa cháy và xem xét tiến độ làm việc của nhân viên Công ty P. Sau khi Công ty F chuyển tạm ứng đủ số tiền 480.000.000đ (bốn trăm tám mươi triệu đồng) cho Công ty P, phía Công ty F có yêu cầu Công ty P thực hiện việc trình bày chi tiết lại Dự án phần mềm, nhưng phía Công ty P trình bày vẫn không đáp ứng được yêu cầu về dự án phần mềm mà phía Công ty F đưa ra theo những gì mà hai bên đã thỏa thuận lúc ban đầu, nên hai bên có thống nhất lựa chọn Công ty TNHH MTV ứng dụng công nghệ và dịch vụ truyền thông D cùng làm. Ngày 09/8/2016, Công ty F có gửi công văn yêu cầu phía Công ty P hoàn trả lại số tiền 480.000.000đ (bốn trăm tám mươi triệu đồng) nhưng phía Công ty P vẫn không có phản hồi và không có thiện chí trả lại số tiền trên. Nay, nguyên đơn là Công ty F yêu cầu Tòa án buộc Công ty P phải hoàn trả lại cho Công ty F số tiền đã nhận là 480.000.000 đồng và phải trả

lãi trên số tiền đã chiếm dụng với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 07/11/2015 đến ngày 07/11/2018 là 152.000.000 đồng, tổng cộng số tiền Công ty F yêu cầu Công ty P phải trả là 632.000.000 (sáu trăm ba mươi hai triệu) đồng.

Theo các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, bị đơn là Công ty P có đại diện theo pháp luật là ông Lê Dân Hưng A trình bày là Công ty P có nhận gia công phần mềm ứng dụng trên điện thoại di động cho Công ty F (Fami Doctor App, Fami Nurse App và Fami Care App) và các phần mềm bệnh án Bác sĩ Gia đình cho phù hợp với yêu cầu kinh doanh của Công ty F theo nguyên tắc làm đến đâu xem xét tiến độ và tạm ứng tiền đến đó.

Công ty P đã đưa nhân viên lập trình và các nhân viên đối tác của Công ty P trực tiếp đến làm việc tại văn phòng của Công ty F dưới sự điều hành giám sát của ông Liên Nguyễn B là người đại diện theo pháp luật của Công ty F. Ngoài ra, để sớm hoàn thiện công việc, Công ty P trên cơ sở thỏa thuận, có sự đồng ý của Công ty F, đã ký hợp đồng thiết kế và lập trình phần mềm số 003TKLT2015 ngày 17/01/2015 và Phụ lục hợp đồng ngày 17/6/2015 với Công ty TNHH MTV ứng dụng công nghệ và dịch vụ truyền thông D (gọi tắt là Công ty D) để phát triển phần mềm. Ông B xem xét tiến độ công việc, đồng ý để Công ty P tiếp tục công việc và thanh toán các khoản chi phí mà Công ty P đã làm.

Tháng 6/2015, ông B đã yêu cầu đăng ký bản quyền các phần mềm Fami Doctor App, Fami Nurse App và Fami Care với 03 đồng tác giả là ông Phạm Lê C, ông Lê Dân Hưng A và ông Liên Nguyễn B. Đồng thời, Công ty F cũng tiếp tục chuyển khoản tiếp cho Công ty P để tiếp tục thanh toán các phần đã hoàn thành và yêu cầu tiếp tục phần mở rộng bệnh án Bác sĩ Gia đình bao gồm các phần quản lý khách hàng và kết nối kết quả xét nghiệm.

Đến tháng 9/2015, ông B đã tự tuyển nhân viên riêng và đề nghị Công ty P chuyển giao biên chế 03 nhân viên của Công ty P để Công ty F tiếp tục dự án với mô hình công nghệ hoàn toàn khác với công nghệ của Công ty P đã thực hiện từ đầu dự án (ứng dụng công nghệ API) mà không hề báo trước về việc thay đổi công nghệ lập trình nên Công ty P không thể tiếp tục dự án với công nghệ mới cho dự án đã triển khai gần 01 năm qua với công nghệ Store Procedure. Tuy nhiên, với tinh thần trách nhiệm Công ty P đã bàn giao tất cả các thành phần cốt lõi của chương trình (ý tưởng, cơ sở dữ liệu, mô hình giải quyết tương tác với người dùng) và hướng dẫn một số ý nghĩa trong giao diện bệnh án Bác sĩ Gia đình do Công ty F làm chủ sở hữu.

Công ty F đã đăng ký bản quyền và được Cục bản quyền tác giả cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả với chủ sở hữu là Công ty F – 03 đồng tác giả là ông Phạm Lê C, ông Lê Dân Hưng A và ông Liên Nguyên B – các phần mềm Fami Doctor App, Fami Nurse App và Fami Care App do Công ty P thực hiện các phần mền này.

Do đó, với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty P không đồng ý vì không phải là giao dịch mua bán hàng hóa mà là giao dịch thuê mướn gia công phần mềm tại chỗ. Sau khi Công ty P ngưng gia công cho Công ty F thì Công ty F vẫn tiếp tục cố tình lấy các phần gia công dang dở để tiếp tục hiệu chỉnh phát triển theo ý riêng của Công ty F trong đó có sử dụng phần mềm và cơ sở dữ liệu Bác sĩ Gia đình của Công ty P làm chủ sở hữu để phát triển tiếp. Hiện nay, ứng

dụng trên mobile có tên Fami Care (đã được đăng ký bản quyền và nhãn hiệu) được tiếp tục phát hành trên Internet với quyền của Công ty TNHH FC và được đổi thành Công ty cổ phần FC vào tháng 01/2018) cũng do ông Liên Nguyên B thành lập có cùng địa chỉ với Công ty cổ phần F.

Công ty P xác nhận Công ty F đã 04 lần chuyển tiền cho Công ty P với tổng số tiền là 480.000.000đ (bốn trăm tám mươi triệu đồng). Các lần thanh toán của Công ty F cho Công ty P là tự Công ty F chuyển cho Công ty P sau khi đã xem xét các phần phát triển mà công nhân viên của Công ty P đã thực hiện tại văn phòng của Công ty F. Mặc dù không có hợp đồng nhưng Công ty F vẫn cố tình chuyển tiền cho Công ty P (đợt 1) để có lý do sử dụng mã nguồn của bệnh án Bác sĩ gia đình, vì là chỗ quen biết nên Công ty P chấp nhận tạm ứng. Sau này thì Công ty P biết được Công ty F cố tình không lập hợp đồng phát triển phần mềm làm cho phần mềm không có điểm dừng và có thể dễ dàng thay đổi công nghệ phát triển theo ý riêng mà không có sự ràng buộc nào. Sau khi thay đổi công nghệ, Công ty P đã bàn giao nhân viên cho Công ty F mà không đòi hỏi một chi phí đào tạo nào để tiếp tục dự án theo ý riêng của Công ty F, 02 nhân viên hợp đồng lao động của Công ty P được cắt hợp đồng lao động và chuyển sang làm cho Công ty F có hợp đồng lao động từ tháng 9/2015.

Trong đơn khởi kiện của Công ty F cho rằng Công ty có đưa ra yêu cầu 02 bên đã thỏa thuận. Công ty P khẳng định không hề có thỏa thuận nào giữa 2 bên lúc ban đầu. Công ty P chỉ cung cấp các nhân viên kỹ thuật, cụ thể là các lập trình viên, để thực hiện các yêu cầu của Công ty F theo sự chỉ đạo của ông B.

Ứng dụng Mobile đã hoàn thành và đã phát hành lên Internet cụ thể là Google Store cho Android và App Store cho hệ IOS. Hiện nay, các ứng dụng này đã gỡ xuống và đã chuyển cho một công ty khác phát triển với đúng tên ứng dụng đã đăng ký bản quyền và nhãn hiệu hàng hóa (logo, lcon), hiện tại đã bị ông B chiếm đoạt, sau khi hiệu chỉnh đã phát hành trên Google Store và App Store với tên chủ sở hữu là Liên Nguyên B, thông tin trên Internet hiện là của Công ty TNHH FC do ông Liên Nguyên B thành lập và có trụ sở đăng ký doanh nghiệp chung với địa chỉ Công ty F hiện tại. Tuy nhiên, Công ty P có các vết trên Internet để chứng minh cho vấn đề này.

Tại đơn phản tố ngày 15/12/2016, Công ty P yêu cầu Công ty F phải hoàn trả lại giá trị sử dụng phần mềm và chi phí gia công còn lại cho Công ty P là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng). Sau đó Công ty P đã rút yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Lê Dân Hưng A trình bày:

Ông là thành viên, cổ đông sáng lập Công ty cổ phần F. Ngoài ra, còn có các thành viên cổ đông sáng lập khác là ông Liên Nguyễn B, ông Phạm Lê C. Đồng thời, cả ba thành viên sáng lập trên đều là đồng tác giả trên giấy chứng nhận quyền tác giả số 2664/2015/QTG do Cục bản quyền tác giả ký ngày 13/7/2015 liên quan đến tác phẩm "Phần mềm hệ thống thông tin khám chữa bệnh ứng dụng trên điện thoại di động". Căn cứ vào trình độ chuyên môn của các thành viên, có sự phân công như sau:

- Ông Phạm Lê C phụ trách phần giải thuật liên quan đến y khoa trong phần mềm.

- Ông Lê Dân Hưng A phụ trách phát triển code chính trên cơ sở kỹ thuật của phần mềm và cơ sở dữ liệu của Bệnh án Bác sĩ Gia đình của Công ty P làm chủ sở hữu, cụ thể là dùng kỹ thuật ADO.NET kết nối Database MSSQL 2012 với các phần ứng dụng của Mobile (theo như giấy chứng nhận là Công ty F) chi trả cho Công ty P sau khi đăng ký chủ sở hữu.- Ông Liên Nguyễn B do không có chuyên môn về IT và nghiệp vụ Y khoa nên không có đóng góp gì cho việc phát triển Code. Tuy nhiên, theo thỏa thuận, ông B được đứng tên đồng tác giả với điều kiện thanh toán các chi phí thuê mướn nhân công, tiền sử dụng mã nguồn của phần mềm bệnh án Bác sĩ Gia đình do Công ty P làm chủ sở hữu để mã hóa dưới tên Công ty F mà ông B chiếm tỷ lệ cổ đông chính.

Sau khi thành lập doanh nghiệp, Công ty F có triển khai mở rộng phần mềm Bác sĩ Gia đình (phần mềm do ông Lê Dân Hưng A và Phạm Lê C là đồng tác giả với quyền sử dụng là Công ty TNHH P), cụ thể thực hiện 3 modul ứng dụng trên di động Fami Doctor, Fami Care và Fami Care và một modul phần mềm quản trị dữ liệu và kinh doanh cho hệ thống. Sau khi trình bày kế hoạch, tất cả các cổ đông đồng ý sử dụng công nghệ nguồn phát triển cho bệnh án Bác sỹ Gia đình là công nghệ chính, đồng thời ứng tiền sử dụng tác quyền phần mềm cho Công ty P để mở rộng chương trình và nhờ nhân công của Công ty P triển khai tại văn phòng của Công ty F với sự chỉ đạo của ông Lê Dân Hưng A là thành viên cổ đông của Công ty F.

Các phần mềm ứng dụng trên mobile do nhân công của Công ty P thực hiện để phát triển (gồm phần code cho Mobile App và phần kết nối dữ liệu với bộ dữ liệu bệnh án Bác sỹ Gia đình). Các ứng dụng trên mobile này đã hoàn thành với sự chỉ đạo của Công ty F mà ông B là chủ yếu và được đăng ký quyền tác giả. Các thành viên cổ đông đã trình bày và chạy thử chương trình cho lớp Bác sỹ Gia đình Tiền Giang tại huyện Mỹ Tho. Với tư cách là người trực tiếp điều hành và phát triển cũng như liên hệ trực tiếp làm việc với nhà cung cấp dịch vụ đăng ký bản quyền ông A xác nhận thông tin này. Tiến độ công việc luôn được báo cáo cho ông B và được sự đồng ý thanh toán các giá trị thành tiền nhân công cho lượng công việc phát triển theo từng đợt, tổng cộng là 04 đợt thanh toán.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển và mở rộng phần mềm, với quyền Giám đốc của mình mặc dù không có trình độ chuyên môn về tin học, công nghệ thông tin. Ông B đã liên tục can thiệp vào quá trình phát triển phần mềm làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, mục đích của phần mềm. Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty F, ông không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Lê C trình bày tại bản tự khai ngày 04/12/2017:

Ông là đồng tác giả trên giấy chứng nhận bản quyền tác giả số 2664/2015/QTG do Cục bản quyền tác giả ký ngày 13/7/2015 liên quan đến tác phẩm "Phần mềm hệ thống thông tin khám chữa bệnh ứng dụng trên điện thoại di động" và chủ sở hữu là Công ty cổ phần F. Việc tranh chấp giữa Công ty F và Công ty P, ông không có ý kiến tranh chấp và đề nghị Tòa án cho ông vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Liên Nguyễn B trình bày tại bản tự khai ngày 09/5/2018:

Công ty cổ phần F được thành lập và đăng ký lần đầu vào ngày 31/12/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/4/2016 gồm 3 cổ đông: ông Liên Nguyễn B, ông Phạm Lê An, ông Lê Dân Hưng A. Việc góp vốn thành lập Công ty trên tinh thần tự nguyện, các cổ đông đã thực hiện việc góp vốn thành lập Công ty như sau: ông Liên Nguyễn B góp tiền mặt nắm 75% giá trị vốn, ông Phạm Lê C góp bằng chuyên môn được các cổ đông thống nhất định giá là 20% giá trị vốn góp, ông Lê Dân Hưng A góp bằng Phần mềm Bác sỹ gia đình được các cổ đông thống nhất định giá là 5% giá trị góp vốn. Trên cơ sở góp vốn thành lập Công ty cổ phần F thì phần mềm hệ thống thông tin khám chữa bệnh được hoàn thành vào ngày 15/03/2015 và các cổ đông thống nhất sẽ cùng nhau là đồng sở hữu đối với tác phẩm: Phần mềm hệ thống thông tin khám chữa bệnh trên điện thoại di động.

Ngày 25/6/2015 tại Văn phòng Công ty cổ phần F các đồng sỡ hữu đối với Phần mềm hệ thống thông tin khám chữa bệnh trên điện thoại di động là các ông Liên Nguyễn B, Phạm Lê C và Lê Dân Hưng A đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả cho Công ty F. Ngày 26/6/2015, ông Liên Nguyễn B đại diện làm Giám đốc đã giao cho ông Lê Dân Hưng A nộp tờ khai xin đăng ký Bản quyền tác giả đến Cục bản quyền tác giả. Ngày 13/7/2015, Cục bản quyền tác giả cấp Giấy chứng nhận "Đăng ký quyền tác giả phần mềm hệ thống thông tin khám chữa bệnh trên điện thoại di động" số 2664/2015/QTG cấp cho chủ sở hữu là Công ty cổ phần F với các tác giả là Liên Nguyễn B, Phạm Lê C, Lê Dân Hưng A.

Do chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty F dựa trên phần mềm hệ thống thông tin khám chữa bệnh trên điện thoại di động. Chính vì thế nên Công ty F đã liên hệ với nhiều đối tác công ty phần mềm để cùng hợp tác trong đó có Công ty P do ông Lê Dân Hưng A làm Giám đốc. Với tư cách là cổ đông của Công ty F phụ trách chuyên môn về kỹ thuật đồng thời là Giám đốc Công ty P nên Công ty F đã tin tưởng giao cho Công ty P thực hiện phát triển dự án này. Vì là chỗ thân quen với nhau chính vì vậy mà việc thỏa thuận giữa Công ty F và Công ty Phương Nam chỉ thông qua lời nói giữa các bên mà không được thực hiện bằng hợp đồng theo quy định của pháp luật. Theo thỏa thuận hai bên thì Công ty P sẽ thực hiện phát triển dự án Phần mềm hệ thống thông tin khám chữa bệnh trên điện thoại di động, tuy nhiên do hạn chế về mặt tài chính nên ông Lê Dân Hưng A đại diện Công ty P có yêu cầu Công ty F tạm ứng tiền trước, tổng cộng 480.000.000đ (bốn trăm tám mươi triệu đồng). Mặc dù, Công ty F đã chuyển tiền nhưng phần mềm vẫn chưa hoàn thành theo những gì mà ông Lê Dâng Hưng A làm đại diện đã thỏa thuận, đã hứa hẹn với Công ty F. Do thời gian thực hiện dự án kéo dài quá lâu mà không hoàn thành đã làm ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty F chính vì vậy ngoài việc Công ty F buộc lòng phải liên hệ với đối tác khác để thực hiện một dự án mới thì đồng thời Công ty F cũng có gửi công văn yêu cầu phía Công ty P hoàn lại số tiền mà Công ty F đã tạm ứng tuy nhiên không nhận được sự phản hồi nào từ phía Công ty P.

Với tư cách là cổ đông, Giám đốc Công ty F đồng tác giả phần mềm hệ thống thông tin khám chữa bệnh trên điện thoại di động, ông B yêu cầu Công ty P phải có trách nhiệm hoàn lại số tiền 480.000.000đ cho Công ty F.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV ứng dụng công nghệ và dịch vụ truyền thông D trình bày:

Công ty D là đơn vị thứ 3, đã từng thực hiện Hợp đồng thiết kế lập trình phần mềm số 003TKLT2015 đối với Công ty P và hợp đồng này đã kết thúc, tất cả các App được đề cập trong hợp đồng đều đã được hoạt động. Công ty D không hề liên quan đến tranh chấp giữa Công ty F và Công ty P.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Việc Công ty F khởi kiện Công ty P đòi lại số tiền tạm ứng là 480.000.000 đồng để đặt mua phần mềm là hoàn toàn có cơ sở, bởi:

Thứ nhất: đối tượng của hợp đồng giao dịch mua bán hàng hóa giữa Công ty F và Công ty P là "phần mềm máy tính", căn cứ vào điểm b khoản 7 Điều 1 của Luật chuyển giao công nghệ năm 2006 hiệu lực 01/7/2006 quy định: "kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật chương trình máy tính, thông tin dữ liệu" thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật chuyển giao công nghệ.

Thứ hai: phần mềm đã đăng ký và được Cục bản quyền cấp giấy chứng nhận ngày 13/7/2015 là phần mềm khung không nói lên được nội dung cụ thể cũng nhưng chưa thể đưa vào khai thác kinh doanh. Theo thỏa thuận của các cổ đông khi thành lập Công ty F thì các cổ đông có thỏa thuận tỷ lệ vốn góp như sau: Liên Nguyễn B (góp vốn bằng tiền giữ 75%), Phạm Lê C (góp vốn bằng chuyên môn giữ 20%), Lê Dân Hưng A (góp vốn bằng phần mềm giữ 5%). Đồng thời các cổ đông tin tưởng cùng nhau thỏa thuận đứng tên đồng tác giả phần mềm và sau đó chuyển giao qua cho Công ty F đăng ký bản quyền cụ thể: ngày 25/6/2015 làm hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, ngày 26/6/2015 làm tờ khai đăng ký quyền tác giả, ngày 13/7/215 được Cục bản quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả. Như vậy, phần mềm đăng ký bản quyền mà các cổ đông đứng tên đồng tác giả chỉ là phần mềm sơ khai.

Thứ ba: phần mềm của Công ty P không đáp ứng được như đã cam kết với Công ty F. Mặc dù đã tạo điều kiện về thời gian, chỗ làm việc, tạm ứng tiền để lập trình nhưng sản phẩm phần mềm Công ty P vẫn không đáp ứng được với quy trình kinh doanh của Công ty F. Đồng thời không thể được lên mạng để khai thác vì không tương thích với các hệ điều hành mới của điện thoại smart phone. Tại phiên tòa, ngày 07/11/2018 ông A cũng thừa nhận không thể đưa chương trình máy tính này lên mạng được và không chạy được trên IOS.

Vì những lý do trên khẳng định rằng mục đích kinh doanh của hai bên trong giao dịch này đều không đạt được (hiện tại Công ty F cũng đã tạm ngưng hoạt động). Căn cứ vào Điều 7, Điểm b Khoản 2 Điều 12, Điều 14, Điểm b, Điểm d Điều 20, Điểm a Khoản 1 Điều 21, Khoản 2 Điều 29 Luật Chuyển giao Công nghệ năm 2007 thì Công ty F đã thực hiện gần xong nghĩa vụ thanh toán, còn Công ty P vẫn chưa giao được sản phẩm theo đơn đặt hàng của Công ty F, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mà buộc Công ty P phải trả số tiền gốc đã tạm ứng là 480.000.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 07/8/2015 đến ngày 07/11/2018 là 152.000.000 đồng. Tổng cộng là 632.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đương sự đã thống nhất được các phần:

- Các bên xác nhận "Phần mềm Bệnh án Bác sỹ gia đình" đã được Cục bản quyền cấp giấy chứng nhận số 272/2012/QTG ngày 07/02/2012, là tài sản góp vốn của ông Lê Dân Hưng A vào Công ty cổ phần F với giá trị tương đương với tỷ lệ góp vốn là 5%, Việc góp vốn giữa các thành viên Công ty đã xong và không có tranh chấp nên không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Các đương sự cùng xác nhận "Phần mềm Bệnh án Bác sỹ gia đình" tại thời điểm ông A dùng để góp vốn vào Công ty F thì tác phẩm có các nội dung sau: chạy trên máy tính để bàn (desktop), cơ sở dữ liệu tập trung vận hành trên mạng Internet, sưu tập thông tin bệnh nhân theo tiêu chí Bác sỹ gia đình, quản trị người dùng, báo cáo, số lượng bệnh án sưu tập đến năm 2014 hơn 397448 bệnh án với 292258 bệnh nhân khám.

- Các đương sự cùng xác nhận là Công ty F muốn triển khai phát triển mở rộng phần mềm ứng dụng trên điện thoại di động cho Công ty F (Fami Doctor App, Fami Nurse App và Fami Care App) và các phần mềm mở rộng khác (phần quản trị, kết nối phòng xét nghiệm và hiệu chỉnh phần mềm bệnh án Bác sĩ Gia đình) cho phù hợp với yêu cầu kinh doanh của Công ty F. Nhưng các bên không có thỏa thuận nội dung công việc cụ thể của dự án phần mềm này bằng văn bản.

- Để phát triển phần mềm trên phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty, Công ty F đã chọn Công ty P có ông Lê Dân Hưng A vừa là người đại diện theo pháp luật vừa là thành viên góp vốn của Công ty F với chức danh là Giám đốc phụ trách IT, để thực hiện việc gia công phát triển phần mềm này.

- Các bên không có ký kết hay có thỏa thuận chung nào về giá trị hợp đồng, thời hạn thanh toán, tiến độ thanh toán, phương thức nghiệm thu đối với phần công việc trên cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên.

- Các bên xác nhận Công ty P làm đến đâu thì Công ty F thanh toán đến đó và Công ty F đã chuyển cho Công ty P 04 lần tiền như đã nêu trên.

- Việc thực hiện phát triển phần mềm này được thực hiện tại trụ sở Công ty F, Công ty P cử nhân viên của Công ty P sang Công ty F để thực hiện công việc trên dưới sự kiểm tra giám sát của lãnh đạo phía nguyên đơn.

- Sau đó, Công ty P chọn Công ty D (nhà thầu phụ) hợp đồng thiết kế và lập trình phần mềm số 003TKLT2015 ngày 17/01/2015 và Phụ lục hợp đồng ngày 17/6/2015 với Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông D (gọi tắt là Công ty D) để phát triển phần mềm, kết nối các dữ liệu trên các ứng dụng. Việc chọn Công ty D thì Công ty Fami biết và đồng ý.

- Các bên xác nhận: tác phẩm "Phần mềm hệ thống thông tin khám chữa bệnh ứng dụng trên điện thoại di động" đã hoàn thành vào ngày 15/3/2015 và chưa được công bố cho đến khi được Cục bản quyền tác giả cấp giấy chứng nhận bản quyền tác giả số 2664/2015/QTG vào ngày 13/7/2015 xác định chủ sở hữu phần mềm này là Công ty cổ phần F, đồng tác giả là ông Lê Dân Hưng A, ông Liên Nguyên B và ông Phạm Lê C, các đương sự không có tranh chấp gì đối với việc sở hữu trí tuệ này.

- Phần mềm này là phát triển từ nền tảng cơ sở ý tưởng và cấu trúc dữ liệu của "Phần mềm Bệnh án Bác sỹ gia đình" thành "Phần mềm hệ thống thông tin khám chữa bệnh ứng dụng trên điện thoại di động" bao gồm các 03 app: Fami Doctor App, Fami Nurse App và Fami Care App và các phần mềm mở rộng khác

(phần quản trị, kết nối phòng xét nghiệm và hiệu chỉnh phần mềm bệnh án Bác sĩ Gia đình).

- Phần mềm hệ thống thông tin khám chữa bệnh ứng dụng trên điện thoại di động có những tính năng: liên hệ tư vấn, kết nối các bảo hiểm mà người bệnh tham gia, thông báo khuyến mãi, danh sách các dịch vụ, đặt chỉ định bác sĩ, khám tại nhà, khám tại phòng khám, đặt dịch vụ chăm sóc, phương thức thanh toán, giá các loại dịch vụ. Nội dung này được thể hiện ở Tờ khai đăng ký bản quyền tác giả ngày 26/6/2015 của Công ty F.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự chưa thống nhất được các phần:

- Nguyên đơn cho rằng theo thỏa thuận hai bên thì Công ty P sẽ thực hiện phát triển dự án "Phần mềm hệ thống thông tin khám chữa bệnh trên điện thoại di động" theo định hướng kinh doanh của Công ty F. Công ty P đã không phát triển đúng ý của Công ty F mà chỉ làm được giao diện nên không thể kiểm tra phần mềm hoạt động được hay không.

- Bị đơn cho rằng phần công việc mà Công ty P đã làm để phát triển phần mềm này là: gia công phần mềm ứng dụng trên điện thoại di động cho Công ty F (Fami Doctor App, Fami Nurse App và Fami Care App) và các phần mềm mở rộng khác (phần quản trị, kết nối phòng xét nghiệm và hiệu chỉnh phần mềm Bác sĩ Gia đình cho phù hợp với yêu cầu kinh doanh của Công ty F) theo nguyên tắc làm đến đâu xem xét tiến độ và tạm ứng tiền đến đó. Phần việc Công ty P làm đã giúp phần mềm phát hành trên internet cụ thể là trên Google Store cho Android và App Store cho hệ IOS.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2018/KDTM-ST ngày 14/11/2018 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 18/2019/QĐ-SCBSBA ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân Quận X đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty P phải trả lại số tiền 480.000.000 *(bốn trăm tám mươi triệu)* đồng và tiền lãi 152.000.000 *(một trăm năm mươi hai triệu)* đồng, tổng cộng là 632.000.000 *(sáu trăm ba mươi hai triệu)* đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty P.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, Tòa án Cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo luật định.

Công ty F có Đơn kháng cáo đề ngày 28/11/2018 về việc công ty kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và đánh giá chứng cứ vụ án chưa toàn diện, khách quan, đầy đủ, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty F. Yêu cầu Tòa án Cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty F.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo đề nghị Tòa án Cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty P phải trả lại số tiền tạm ứng 480.000.000 đồng và lãi từ ngày 07/8/2015 đến ngày 07/11/2018, lãi suất 10%/năm là 152.000.000 đồng. Do quan hệ tranh chấp giữa hai bên là quan hệ mua bán hàng hóa, không phải là

quan hệ hợp đồng gia công thể hiện qua dự thảo hai hợp đồng mua bán mà nguyên đơn chưa ký kết. Bốn lần nguyên đơn chuyển tiền cho Công ty P là tiền tạm ứng phục vụ thực hiện dự án theo yêu cầu của Công ty P không phải là tiền thanh toán hợp đồng gia công, làm đến đâu thanh toán đến đó. Phần mềm mà Công ty P thực hiện không đáp ứng được quy trình phát triển kinh doanh của nguyên đơn do không tương thích với các hệ điều hành mới của điện thoại smartphone, không đúng với thỏa thuận ban đầu của hai bên. Đại diện Công ty P là ông Lê Dân Hưng A cũng đã thừa nhận bản phần mềm giao cho nguyên đơn chỉ là bản phác thảo, chưa có nội dung hoàn chỉnh. Ngoài ra, bản án sơ thẩm có nội dung nhận định không khách quan như việc Công ty P ký hợp đồng hợp tác với bên Công ty D là việc của Công ty P, nguyên đơn có biết việc ký kết hợp đồng này nhưng nội dung cụ thể của hợp tác thì nguyên đơn không biết và cũng không có việc thỏa thuận với Công ty P việc chọn Công ty D cùng làm mà chỉ thỏa thuận chọn Công ty D làm bên thứ ba trung gian kiểm tra phần mềm cho khách quan.

- Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có ý kiến trong đơn như sau: Bị đơn xác nhận có giao dịch là gia công phần mềm tại chỗ cho Công ty F và đã nhận số tiền công là 480.000.000 đồng, phần mền ứng dụng trên điện thoại di động cho Công ty F (Fami Doctor App, Fami Nurse App và Fami Care App) và các phần mềm mở rộng khác (phần quản trị, kết nối phòng xét nghiệm và hiệu chỉnh phần mềm Bác sĩ Gia đình cho phù hợp với yêu cầu kinh doanh của Công ty F) theo nguyên tắc làm đến đâu xem xét tiến độ và được tạm ứng tiền đến đó. Phần việc bị đơn làm đã giúp phần mềm phát hành trên internet cụ thể là trên Google Store cho Android và App Store cho hệ IOS. Phần mềm hệ thống thông tin khám chữa bệnh ứng dụng trên điện thoại di động" đã hoàn thành vào ngày 15/3/2015 và chưa được công bố cho đến khi được Cục bản quyền Tác giả cấp cho Công ty F Giấy chứng nhận bản quyền Tác giả số 2664/2015/QTG ngày 13/7/2015. Giấy chứng nhận xác định đồng tác giả là ông Lê Dân Hưng A, ông Liên Nguyên B và ông Phạm Lê C. Bị đơn đề nghị Tòa án Cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Liên Nguyễn B thì đồng ý với ý kiến của Công ty F. Đề nghị Tòa án Cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty F.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án thì Tòa án Cấp sơ thẩm xác định tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng gia công là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không đưa ra những chứng cứ nào mới để thay đổi một phần hoặc toàn phần nội dung vụ án, đề nghị Tòa án Cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại

diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về nội dung kháng cáo với yêu cầu như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn gửi đến Tòa án còn trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung:

- *Nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là quan hệ mua bán hàng hóa, không phải là quan hệ hợp đồng gia công như Tòa án Cấp sơ thẩm nhận định* thì theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ cho thấy hai bên không có ký hợp đồng kinh tế nhưng hai bên có sự thỏa thuận về những công việc cần làm như lập trình, phát triển hệ thống phần mềm, bị đơn có cử nhân viên của mình đến làm việc tại trụ sở của nguyên đơn dưới sự điều hành, giám sát của ông Liên Nguyễn B trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2016. Ngoài ra, phần mềm "Hệ thống thông tin khám chữa bệnh ứng dụng trên điện thoại di động" có chủ sở hữu là Công ty F được viết trên nền tảng ý tưởng từ phần mềm "Bệnh án Bác sĩ gia đình" có chủ sở hữu là Công ty P mà không phải Công ty P bán phần mềm cho Công ty F;

- *Nguyên đơn cho rằng 04 lần nguyên đơn chuyển tiền cho bị đơn là tiền tạm ứng phục vụ thực hiện dự án theo yêu cầu của bị đơn không phải là tiền thanh toán hợp đồng gia công, làm đến đâu thanh toán đến đó* thì theo nội dung các lần chuyển tiền được thực hiện từ ngày 22/01/2015 đến ngày 07/8/2015 ghi nhận là "tạm ứng tiền IT", "thanh toán đợt 2", "chuyển tiền", "chuyển tiền đợt 4" thể hiện đây là tiền thanh toán thù lao cho việc phát triển phần mềm theo từng giai đoạn, phù hợp với tiến độ công việc bị đơn đã làm được;

- *Phần mềm mà bị đơn thực hiện không đáp ứng được quy trình phát triển kinh doanh của nguyên đơn do không tương thích với các hệ điều hành mới của điện thoại smartphone, không đúng với thỏa thuận ban đầu của hai bên. Đại diện bị đơn là ông Lê Dân Hưng A cũng đã thừa nhận bản phần mềm giao cho nguyên đơn chỉ là bản phác thảo, chưa có nội dung hoàn chỉnh* thì vấn đề này bị đơn cũng thừa nhận do đến tháng 9/2015 nguyên đơn muốn tiếp tục dự án theo công nghệ khác mà bị đơn không thể đáp ứng được nên bị đơn không tiếp tục thực hiện công việc mà đã bàn giao lại cho nguyên đơn tự thực hiện tiếp.

- Ý kiến của nguyên đơn cho rằng *bản án sơ thẩm có những nội dung nhận định không khách quan như việc bị đơn ký hợp đồng hợp tác với Công ty D là việc của bị đơn, nguyên đơn có biết việc ký kết hợp đồng này nhưng nội dung cụ thể của hợp tác thì nguyên đơn không biết và cũng không có việc thỏa thuận với bị đơn việc chọn Công ty D cùng làm mà chỉ thỏa thuận chọn Công ty D làm bên thứ ba trung gian kiểm tra phần mềm cho khách quan* thì theo Hợp đồng Thiết kế và Lập trình phần mềm số 003TKL2015 ngày 17/01/2015 giữa Công ty D và bị đơn cùng với lời khai của Công ty D thì Công ty D chỉ thực hiện việc phát triển phần mềm và bàn giao lại cho bị đơn theo mô tả được ghi nhận trong hợp đồng, không có nội dung nào thể hiện Công ty D là bên thứ ba trung gian kiểm tra phần mềm như nguyên đơn trình bày.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận hợp tác phát triển phần mềm "Hệ thống thông tin khám chữa bệnh ứng dụng trên điện thoại động" được viết trên nền

tảng ý tưởng từ phần mềm "Bệnh án Bác sĩ gia đình" (chủ sở hữu là Công ty P) đã được Công ty F đăng ký bản quyền và được Cục bản quyền Tác giả cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền Tác giả số 2664/2015/QTG ngày 13/7/2015 có chủ sở hữu là Công ty F. Công ty F đã thanh toán cho Công ty P từng đợt theo tiến độ và kết quả công việc, sau đó do không thể tiếp tục thực hiện phần mềm theo yêu cầu nên hai bên đã ngừng hợp tác tiếp.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến của đại diện viện kiểm sát do ý kiến này phù hợp với quy định của pháp luật.

Về những nội dung khác trong bản án, không có kháng cáo và kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực thi hành.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: như bản án sơ thẩm kèm theo quyết định sửa đổi bổ sung bản án.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 549, Điều 552 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án ,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần F. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc Công ty Cổ phần F buộc Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Viễn thông và Tin học P phải trả lại số tiền 632.000.000 (sáu trăm ba mươi hai triệu) đồng, trong đó tiền gia công là 480.000.000 đồng và tiền lãi là 152.000.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Viễn thông và Tin học P.

3. Án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm:

+ Công ty Cổ phần F phải chịu là 29.280.000 *(hai mươi chín triệu hai trăm tám mươi nghìn)* đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 12.600.000 đồng theo Biên lai thu số 07146 ngày 10/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần F còn phải nộp thêm số tiền là 16.680.000 *(mười sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn)* đồng.

+ Hoàn trả cho Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Viễn thông và Tin học P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.000.000 *(bảy triệu)* đồng theo Biên lai thu số 07323 ngày 20/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm:

Công ty Cổ phần F phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 *(hai triệu)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo các Biên lai thu số 0026432 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận X;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Dũng